

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 300/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hơn

2. Bà Võ Thị Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Phạm Thành M**, sinh năm xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: **Đào Thị Em N**, sinh năm: xxxx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Thành M trình bày:

Anh M và chị N chung sống với nhau từ năm 2018, do quen biết, có tình cảm, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N chơi đánh bài, đá gà, cá độ trên mạng, anh M nhiều lần trả nợ cho chị N và khuyên can

chị N rất nhiều lần nhưng chị N vẫn không thay đổi nên anh M yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Loan A, sinh năm xxxx và Đào Thị Bé T, sinh ngày xx/xx/xxxx. Ly hôn, anh M giao chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Thị Bé T, sinh ngày xx/xx/xxxx, anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi Bé T mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với cháu Phạm Thị Loan A, sinh năm xxxx đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

\* Chị Đào Thị Em N là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, chị N cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị N đối với yêu cầu ly hôn của anh M cho Tòa án nên không có lời trình bày của chị N.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Thành M, cho anh Phạm Thành M được ly hôn với chị Đào Thị Em N. Về con chung: Giao 01 con chung tên Đào Thị Bé T, sinh ngày 22/6/2011 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi Bé T mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Phạm Thành M yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Đào Thị Em N, sinh năm xxxx, ngụ tại Khu phố C, thị trấn V, huyện G nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Đào Thị Em N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng chị Đào Thị Em N vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của chị Đào Thị Em N đối với yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Đào Thị Em N.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thành M và chị Đào Thị Em N có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh M, căn cứ vào lời khai của anh, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn là do do chị N chơi đánh bài, đá gà, cá độ trên mạng, anh M nhiều lần trả nợ cho chị N và khuyên can chị N rất nhiều lần nhưng chị N vẫn không thay đổi nên anh M yêu cầu được ly hôn với chị N. Tại phiên tòa chị N vắng mặt, trong quá trình tố tụng chị L có lời khai nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M có vợ bé, anh M bênh vực vợ bé mà đánh chị tại chỗ làm việc của chị, do chị N thương con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo mời chị N nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do, bỏ mặc anh M với yêu cầu ly hôn, không quan tâm đến kết quả giải quyết yêu cầu ly hôn của anh M với chị N như thế nào. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Thành M với chị Đào Thị Em N là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Phạm Thị Loan A, sinh năm xxxx và Đào Thị Bé T, sinh ngày xx/xx/xxxx. Ly hôn, anh M giao chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Thị Bé T, sinh ngày xx/xx/xxxx. Đối với cháu Phạm Thị Loan A, sinh năm xxxx đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Theo nguyện vọng của cháu T được sống với mẹ, nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung, hơn nữa con chung là con gái rất cần có sự chăm sóc chỉ dạy của người mẹ trong quá trình phát triển bình thường của người phụ nữ nên cần giao cháu Đào Thị Bé T, sinh ngày xx/xx/xxx cho chị Đào Thị Em N được tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi Bé T mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Anh Phạm Thành M có yêu cầu ly hôn nên anh Phạm Thành M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thành M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thành M và chị Đào Thị Em N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con tên Đào Thị Bé T, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Đào Thị Em N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi Đào Thị Bé T mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Đào Thị Em N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Phạm Thành M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028489 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Phạm Thành M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Thành M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và chị Đào Thị Em N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND H.GCD;
- CC.THADS H.GCD;
- UBND thị trấn Vàm Láng, H.GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Nguyễn Thị Diễm Trinh**